

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 147/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn,  
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Thực;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Văn Lĩnh;

- Bà Lê Thị Hiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu P, sinh năm 1982; thường trú tại: Ấp XQ, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú tại: Ấp KB, xã K, huyện CP, tỉnh An Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1984. cư trú tại: Ấp XQ, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Lê Thị Thu P trình bày:*

Chị và anh Q tiến đến hôn nhân thông qua người làm mai, có thời gian tìm hiểu 06 năm mới tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2012 ở TĐ – Thành phố Hồ Chí Minh, lúc đó vợ chồng làm công ty. Thời gian ban đầu, gia đình chị không đồng ý cho chị đến với anh Q nhưng do chị thương anh Q nên sau đó gia đình chị chấp nhận. Đến ngày 27-10-2014, hai bên tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang và vợ chồng cũng dọn về quê anh Q sống, nhưng gia đình anh Q không thích chị do chị có mâu thuẫn tiền bạc với chị dâu và mẹ chồng. Khi chị và chị dâu thứ sáu

xảy ra xô xát thì anh Q không những không bênh chị mà còn đòi chích điện chị. Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Ngoài ra, anh Q còn thường xuyên cờ bạc, đánh bài thiếu nợ chị phải trả nhiều lần, không nhớ rõ bao nhiêu tiền, lần cuối chị trả tiền nợ cho anh Q là hơn 20 triệu đồng. Mẹ ruột của chị cũng phụ giúp chị trả nợ cho anh Q. Chị và anh Q đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chị về sống với mẹ ruột ở ấp KB, xã K, huyện CP, tỉnh An Giang. Trong thời gian đó, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày một trầm trọng và không thể hòa giải hàn gắn được. Hiện nay anh Q không còn quan tâm gì đến chị, chỉ thỉnh thoảng gọi điện thoại cho con. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Trường L, sinh ngày 13-7-2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu L do chị trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Nguyễn Thanh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng anh Q không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Lê Thị Thu P và anh Nguyễn Thanh Q tranh chấp về ly hôn; anh Q cư trú tại ấp XQ, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Nguyên đơn, chị Lê Thị Thu P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, anh Nguyễn Thanh Q không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Q, chị P.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu P và anh Nguyễn Thanh Q là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84, ngày 27-10-2014. Sau khi đám cưới, vợ chồng đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh một thời gian thì chuyển về sống bên gia đình anh Q từ năm 2014. Theo chị P thì từ khi về sống bên gia đình anh Q, chị và gia đình anh Q có xảy ra mâu thuẫn, xô xát nhưng anh Q không xử lý được. Giữa chị P và anh Q cũng bất đồng quan điểm sống, anh Q thường xuyên cờ bạc nên vợ

chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Từ năm 2019 đến nay, do không chung sống được nữa nên chị P đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở An Giang, vợ chồng ly thân từ đó. Mặc dù những nguyên nhân dẫn đến ly hôn do chị P nêu, nhưng anh Q không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Phía anh Q cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó đã cho thấy anh Q không còn quan tâm đến hôn nhân với chị P. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và *“vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị P và anh Q đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Trường L, sinh ngày 13-7-2015. Cháu L hiện đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng, phía anh Q không có ý kiến gì về việc này, không có yêu cầu được nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con là phù hợp. Chị P không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P, anh Q đều không yêu cầu về phần này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Thu P là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu P. Cho chị Lê Thị Thu P được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Trường L, sinh ngày 13-7-2015 cho chị Lê Thị Thu P là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh Nguyễn Thanh Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Thu P chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

### 3. Về án phí:

Chị Lê Thị Thu P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016213 ngày 17-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Anh Thực**